

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH MINH
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 72/2024/DS-ST
Ngày 25 - 9 - 2024
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh T

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh T;

2. Ông Lương Phi S.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lý Ngọc Th V – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh tham gia phiên tòa:** Không tham gia.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 235/2023/TLST-DS, ngày 11 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2024/QĐXXST-DS, ngày 13/8/2024 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 223/2024/QĐST-DS, ngày 11/9/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1956; Địa chỉ: tổ B, khóm B, phường T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn:

Chị Phạm Diễm T, sinh năm 1980; Địa chỉ: tổ A, khóm D, phường T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long - Theo hợp đồng uỷ quyền ngày 02/11/2023 (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Văn N, sinh năm 1966; Địa chỉ: ấp M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Bùi Thanh V, sinh năm 1958; Địa chỉ: khóm B, phường T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 11 năm 2023 của bà Lê Thị L trình bày:

Vào ngày 31/10/2020, bà Lê Thị L có cho ông Huỳnh Văn N, sinh năm 1966 thuộc ấp M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long vay số tiền 400.000.000đồng có làm biên nhận nợ ngày 31/10/2020, thời hạn vay 15 ngày, lãi suất thỏa thuận và tạm thế chấp 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 282, tờ bản đồ số 8, diện tích 218,0m², số vào sổ H 66622 cấp ngày 29/10/2007 do ông Võ Văn H đứng tên quyền sử dụng đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 148, tờ bản đồ số 8, diện tích 882,4m², số vào sổ CH00156 cấp ngày 08/02/2010 do ông Nguyễn Ngọc T1 đứng tên quyền sử dụng đất. Sau 15 ngày, ông N có trả cho bà L 200.000.000đồng từ đó đến nay ông N không đóng lãi cũng không trả lại tiền gốc còn lại. Do đó, bà Lê Thị L yêu cầu ông Huỳnh Văn N trả tổng số tiền là 248.000.000đồng, trong đó 200.000.000đồng là nợ gốc, 48.000.000đồng là tiền lãi từ ngày 31/10/2021 đến ngày 02/11/2023 với lãi suất 1%/tháng (200.000.000đồng x 1% x 24 tháng = 48.000.000đồng), đồng thời tiếp tục tính lãi cho đến khi bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn Huỳnh Văn N có ý kiến trình bày tại phiên hoà giải ngày 28 tháng 3 năm 2024:

Ông N thừa nhận vào năm 2020 ông có vay tiền của bà Lê Thị L số tiền 200.000.000đồng không phải 400.000.000đồng, lãi 1.500.000đồng/1 ngày (45.000.000đồng/1 tháng) và thế chấp 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông N đứng tên để làm tin. Ông N đã đóng được 150.000.000đồng tiền lãi cho ông D là chồng bà L, không làm biên nhận nhưng có ghi trong sổ tay của ông D (tên thường gọi là D1) đang quản lý sổ đóng lãi.

Sau đó, ông N đề nghị ông D (D1) trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông N để vay tiền Ngân hàng H1. Để làm tin ông N đã thế chấp 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khác: thửa đất số 148, tờ bản đồ số 8, diện tích 882,4m² và thửa 282, tờ bản đồ số 8, diện tích 218,0m² cho ông D (tên thường gọi là D1). Sau khi nhận lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông N được Ngân hàng H1 giải ngân số tiền 500.000.000đồng. Ông N trích ra 430.000.000đồng để trả cho ông D (tên thường gọi là D1), trong đó có 200.000.000đồng nợ gốc và 200.000.000đồng tiền nợ lãi và thêm 30.000.000đồng do ông D (tên thường gọi là D1) yêu cầu tính thêm tiền lãi, việc trả tiền không làm biên nhận nhưng hai bên thống nhất là huỷ các giấy vay tiền giữa ông N với vợ chồng bà L, ông D (tên thường gọi là D1) từ trước đến nay.

Ông N cho rằng đã trả cho vợ chồng bà L, ông D (tên thường gọi là D1)

tổng số tiền là 580.000.000đồng (150.000.000đ + 430.000.000đ). Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L, ông N không đồng ý và yêu cầu Tòa án xem xét buộc vợ chồng bà L, ông D (D1) trả lại cho ông 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Thanh V có bản khai ý kiến trình bày:

Ông V là chồng của bà Lê Thị L, việc bà L có cho ông Huỳnh Văn N vay tiền ông không hay biết, việc ông N cho rằng trả tiền vốn, lãi cho ông là không đúng. Ông N khai tên của ông là D (tên thường gọi là D1) là không đúng, ông tên là Bùi Thanh V, sinh năm 1958. Trong vụ án này, ông V không có ý kiến, không yêu cầu và xin vắng mặt.

- Bị đơn Huỳnh Văn N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa xét xử đến lần 2 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên Tòa, không cung cấp bản khai ý kiến, không cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh việc trả tiền. Được Tòa án hướng dẫn, giải thích thủ tục triệu tập người làm chứng tham gia phiên tòa nhưng ông không thực hiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh đã thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý vụ án, các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần. Căn cứ khoản 2, Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia phiên tòa.

[2] Bị đơn Huỳnh Văn N có tham gia phiên hòa giải, công khai chứng cứ vào ngày 28 tháng 3 năm 2024. Tuy nhiên, đến lần hòa giải và công khai chứng cứ lần thứ hai vào ngày 14/7/2024 ông N vắng mặt không lý do, lập biên bản hòa giải và công khai chứng cứ không được.

Ông Huỳnh Văn N được giao nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên Tòa hợp lệ, nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử vắng mặt.

[3] Tại phiên Tòa, người đại diện cho nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu buộc ông Huỳnh Văn N trả số tiền nợ gốc là 200.000.000đồng và tính lãi từ

ngày 31/10/2021 đến ngày 02/11/2023 với lãi suất 1%/tháng (200.000.000đồng x 1% x 24 tháng = 48.000.000đồng). Tổng số tiền là 248.000.000đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi đến ngày xét xử.

Về chứng cứ đề yêu cầu: Biên nhận nợ ngày 31/10/2020, bản chính, viết tay, có chữ ký của Lê Thị L và Huỳnh Văn N.

[4] Xét về lãi suất: Theo biên nhận nợ ngày 31/10/2020 không có thỏa thuận cụ thể về lãi suất, người đại diện cho nguyên đơn thừa nhận không có thỏa thuận về phần lãi suất, cũng không chứng minh được có việc giao nhận tiền lãi. Theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, thì mức lãi suất là 0,83%/tháng.

Do đó, cần điều chỉnh mức lãi suất cho phù hợp là 0,83%/ tháng, tính lãi từ ngày 31/10/2021 đến ngày 25/9/2024 là 56.440.000đồng (200.000.000đồng x 0,83% x 34 tháng = 56.440.000đồng).

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Lê Thị L đối với ông Huỳnh Văn N. Buộc Huỳnh Văn N có nghĩa vụ trả cho Lê Thị L tổng số tiền tính đến ngày 25/9/2024 là 256.440.000đồng (Hai trăm năm mươi sáu triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng), trong đó nợ lãi là 56.440.000đồng, nợ gốc là 200.000.000đồng.

[5] Đối với 02 (hai) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Thửa đất số 282, tờ bản đồ số 8, diện tích 218,0m², sổ vào sổ H 66622 cấp ngày 29/10/2007 do ông Võ Văn H đứng tên quyền sử dụng đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 148, tờ bản đồ số 8, diện tích 882,4m², sổ vào sổ CH00156 cấp ngày 08/02/2010 do ông Nguyễn Ngọc T1 đứng tên quyền sử dụng đất, đất cùng tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện B (nay là thị xã B), tỉnh Vĩnh Long hiện do bà Lê Thị L cất giữ.

Để đảm bảo khoản vay 400.000.000đồng nên ông N đã tạm giao (thế chấp) 02 (hai) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên cho bà L.

Xét thấy, bà Lê Thị L không đăng ký kinh doanh cầm cố, thế chấp tài sản nên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông N tạm giao cho bà L không nhằm đảm bảo khoản vay, việc bà L giữ 02 (hai) bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên là không đúng quy định pháp luật. Do đó, buộc bà Lê Thị L có trách nhiệm trả lại ông Huỳnh Văn N 02 (hai) bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 282, tờ bản đồ số 8, diện tích 218,0m², sổ vào sổ H 66622 cấp ngày 29/10/2007 do ông Võ Văn H đứng tên quyền sử dụng đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 148, tờ bản đồ số 8, diện tích 882,4m², sổ vào sổ CH00156 cấp ngày 08/02/2010 do ông Nguyễn Ngọc T1 đứng tên quyền sử dụng, đất cùng tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện B (nay là thị xã B), tỉnh Vĩnh Long.

[6] Tại biên bản hòa giải ngày 28 tháng 3 năm 2024 ông Huỳnh Văn N cho rằng sau khi ông vay tiền tại Ngân hàng H1 thì ông có trích ra số tiền 430.000.000đồng (trong đó, tiền gốc 200.000.000đ, lãi 200.000.000đ và 30.000.000đ trả thêm tiền lãi) để trả cho chồng bà L là ông D (tên thường gọi là D1) trực tiếp nhận tiền nhưng không có làm giấy tờ biên nhận trả tiền.

Xét lời trình bày của ông N không có căn cứ chấp nhận. Bởi các lẽ: Việc ông trả tiền cho chồng bà L là ông D (tên thường gọi là D1) là không đúng với tên thực của chồng bà L là Bùi Thanh V, hơn nữa phía ông V có bản khai bản bác ý kiến của ông N, việc ông N cho rằng có trả tiền cho chồng bà L. Mặt khác, tại buổi hòa giải ông N có trình bày nhờ bà Đ và ông T2 (không biết, họ tên, địa chỉ cụ thể) làm chứng cho ông. Tuy nhiên, Tòa đã mời ông vào làm việc bằng cách lấy lời khai của ông để làm rõ họ tên, địa chỉ, năm sinh của bà Đ, ông T2 là ai, có yêu cầu Tòa triệu tập người làm chứng hay không nhưng ông vẫn không đến, nên xem như ông đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình chứng minh của mình.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Huỳnh Văn N nộp số tiền 12.822.000đồng theo quy định tại Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Bà Lê Thị L được miễn nộp toàn bộ án phí do thuộc đối tượng người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 357, 463; 466; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 93; Điều 147; khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 26; 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L đối với ông Huỳnh Văn N. Buộc Huỳnh Văn N có nghĩa vụ trả cho Lê Thị L tổng số tiền tính đến ngày 25/9/2024 là 256.440.000đồng (Hai trăm năm mươi sáu triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng), trong đó nợ lãi là 56.440.000đồng, nợ gốc là 200.000.000đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi suất chậm thi

hành án, tương ứng với thời gian chưa hành án theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc Huỳnh Văn N nộp số tiền: 12.822.000 đồng (Mười hai triệu, tám trăm hai mươi hai nghìn đồng) nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh. Bà Lê Thị L không phải chịu tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo:

Án xử công khai các đương sự có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL;
- VKSND TXBM;
- Chi cục THADS TXBM;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Minh T